

Bản án số: 457/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Đỗ Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Hường Dương.

Bà Ngô Thị Thu Hiền.

*Thư ký phiên toà:* Bà Ngô Thị Thu Hà- Thư ký Toà án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Thành phố Hà Nội:* Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn D, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã Nam H, huyện A, Thành phố Hà Nội.

*2. Bị đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã Nam H, huyện A, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Ông D, bà H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Trong đơn khởi kiện ghi ngày 05/5/2020 và các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:***

*- Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà H đăng ký kết hôn ngày 31/3/1997 tại Ủy ban nhân dân xã Nam H, huyện A, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống chung cùng bố mẹ ông tại Thôn Đ, xã Nam H, huyện A, Hà Nội. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H nhiều lần đuổi ông ra khỏi nhà. Trước đó, năm 2016 bà H có quan hệ ngoại tình với anh B ở quận Hoàng Mai, bị ông bắt quả tang. Hai vợ chồng ông đã ly thân nhau từ đầu năm 2018, từ đó hai bên không có trách nhiệm gì với nhau, ông đi thuê nhà ở chỗ khác. Do bà H ngoại tình trước, nên sau đó ông cũng có ngoại tình với người khác. Hai bên gia đình không gặp

nhau để hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng ông. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu được ly hôn bà H.

- Về con chung: Ông và bà H sinh được 03 con chung là: Phạm Thu H, sinh ngày 19/10/1997, Phạm Thu T, sinh ngày 16/8/1999 và Phạm Thủy C, sinh ngày 30/10/2006.

Hiện nay cháu H, cháu T đã thành niên, cháu T đã kết hôn, cháu C đang ở với bà H. Ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu C, không yêu cầu bà H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Nếu bà H nuôi con, ông tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Hiện ông làm ruộng, không làm thêm gì, thu nhập khoảng từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn, Bà Vũ Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà nhất trí với lời khai của ông D về thời gian, điều kiện kết hôn. Đầu năm 2018, vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông D có quan hệ với chị Hiền (bà không biết rõ nhân thân), không quan tâm đến vợ, con. Do ông D ngoại tình nên bà có vứt quần áo của ông D ra khỏi nhà. Ông D đi thuê chỗ ở khác từ đầu năm 2018, vợ chồng bà ly thân nhau từ đầu năm 2018. Từ đó, vợ chồng bà không có trách nhiệm gì với nhau.

Đầu năm 2020, bà có ngoại tình với người đàn ông khác, bị ông D bắt quả tang. Lý do bà ngoại tình là vì ông D nhiều năm liền không quan tâm đến bà. Mâu thuẫn của vợ chồng bà chủ yếu do ông D, bà không có lỗi gì. Giữa bà và gia đình ông D không có mâu thuẫn gì. Hai gia đình không hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng bà. Nay ông D xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn mà đề nghị chỉ cần ly thân.

- Về con chung: Bà và ông D sinh được 03 con chung là: Phạm Thu H, sinh ngày 19/10/1997, Phạm Thu T, sinh ngày 16/8/1999 và Phạm Thủy C, sinh ngày 30/10/2006. Hiện nay cháu H đã thành niên, cháu T đã kết hôn, cháu C đang ở với bà.

Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu C, yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Hiện bà làm ruộng, thu nhập bình quân khoảng 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông D giữ nguyên yêu cầu được ly hôn bà H. Bà H vẫn giữ quan điểm không đồng ý ly hôn mà chỉ đồng ý ly thân.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc xin ly hôn bà H.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông D, bà H: Bà H trực tiếp nuôi cháu Phạm Thủy C, sinh ngày 20/10/2006, ông D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét vì các bên không yêu cầu.

Vụ án thuộc trường hợp án phí không có giá ngạch.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

*{1} Về thẩm quyền:* Cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn Đ, xã Nam H, huyện A, Hà Nội. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội.

*{2} Về nội dung:*

*{2.1} Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Phạm Văn D kết hôn với Bà Vũ Thị H ngày 31/3/1997 trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống chung cùng bố mẹ ông D tại Thôn Đ, xã Nam H, Đông Anh, Hà Nội, sau đó thì ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không tôn trọng nhau và đều có quan hệ ngoại tình với người khác. Vợ chồng ông bà đã ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn. Bà H không đồng ý ly hôn mà chỉ đồng ý ly thân.

Kết quả thu thập chứng cứ thì thấy: Cuộc sống chung của vợ chồng ông D, bà H không hạnh phúc từ nhiều năm nay, nguyên nhân chính là do mâu thuẫn trong gia đình, cả hai ông bà đều thừa nhận có quan hệ ngoại tình với người khác. Ông bà đã ly thân nhau từ nhiều năm nay, hai bên không có trách nhiệm gì với nhau. Bản thân bà H thừa nhận không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với ông D. Như vậy, hôn nhân của hai ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông D xin ly hôn để ổn định cuộc sống là có căn cứ nên được chấp nhận.

*{3.2} Về con chung:* Ông D và bà H sinh được 03 con chung là: Phạm Thu H, sinh ngày 19/10/1997, Phạm Thu T, sinh ngày 16/8/1999 và Phạm Thủy C, sinh ngày 30/10/2006.

Hiện nay cháu H, cháu T đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Cháu C đang ở với bà H.

Tại phiên tòa, ông D và bà H thỏa thuận: bà H trực tiếp nuôi cháu C, ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8/2020. Sự thỏa thuận này phù hợp pháp luật nên được ghi nhận

*{3.3} Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của ông D, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*{4} Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vi các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ:**

- Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; các Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của Ông Phạm Văn D về việc xin ly hôn Bà Vũ Thị H.

Ông Phạm Văn D được ly hôn Bà Vũ Thị H.

2. Về con chung: Ông Phạm Văn D và Bà Vũ Thị H sinh được là: Phạm Thu H, sinh ngày 19/10/1997, Phạm Thu T, sinh ngày 16/8/1999 và Phạm Thủy C, sinh ngày 30/10/2006.

Phạm Thu H và Phạm Thu T đã thành niên.

Ghi nhận sự thỏa thuận của Ông Phạm Văn D và Bà Vũ Thị H: Bà Vũ Thị H trực tiếp nuôi con chung Phạm Thủy C, sinh ngày 30/10/2006, Ông Phạm Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu C thành niên hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Ông D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông D và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, tổng cộng tiền án phí là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) ông D phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2018/0016121 ngày 07/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A. Ông D còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Án xử công khai sơ thẩm, ông D, bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện A.
- TAND T.P Hà Nội.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã Nam H.
- (GCN kết hôn số: 24/1997, ngày 31/3/1997).
- Chi cục THADS huyện A.
- Lưu hồ sơ.

**Đỗ Thị Vân**



